

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH/NGHỀ CAO ĐẲNG HỘ SINH CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định 115/QĐ-CDYT ngày 07 tháng 9 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

Mã ngành, nghề: 6720303

Trình độ đào tạo: cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp trung học phổ thông

Thời gian đào tạo: 03 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người hộ sinh trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề Hộ sinh ở trình độ cao đẳng, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

Chương trình Hộ sinh cao đẳng nhằm đào tạo người Hộ sinh có khả năng cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe an toàn và hiệu quả cho phụ nữ và trẻ em dưới 5 tuổi. Được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng và tâm huyết với nghề nghiệp, thực hành nghề nghiệp trong khuôn khổ quy định của luật pháp và các chính sách của Nhà nước, người Hộ sinh sẽ đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe phụ nữ và trẻ em một cách toàn diện về thể chất, tâm, sinh lý và xã hội. Đồng thời, người Hộ sinh luôn có ý thức học hỏi, chủ động phát triển nghề nghiệp cho bản thân mình, đảm bảo thực hành chuyên môn an toàn, hiệu quả.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Về kiến thức

- Có kiến thức về cấu trúc và chức năng cơ thể con người, đặc biệt là về hệ thống sinh sản trong trạng thái bình thường và bệnh lý, những thay đổi về giải phẫu sinh lý của người phụ nữ trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đời và trẻ em dưới 5 tuổi;

- Có kiến thức về khoa học xã hội để chăm sóc bà mẹ và trẻ em phù hợp về văn hoá, xã hội và tâm sinh lý.

Về kỹ năng

- Giao tiếp, phối hợp có hiệu quả với bác sĩ, đồng nghiệp, khách hàng trong học tập và công tác chăm sóc người bệnh. Thực hiện được công tác tư vấn, truyền thông, giáo dục sức khỏe về chăm sóc sức khỏe sinh sản có hiệu quả tại cơ sở y tế và cộng đồng;

- Chăm sóc bà mẹ trước khi mang thai có chất lượng cao, giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa cộng đồng. Hỗ trợ việc kế hoạch hóa gia đình hoặc kết thúc thai nghén theo quy định của luật pháp và hướng dẫn quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản;

- Chăm sóc bà mẹ thời kỳ thai nghén có chất lượng cao để đảm bảo sức khỏe cho bà mẹ tốt nhất; dự phòng và phát hiện sớm tai biến sản khoa để xử trí hoặc chuyển tuyến kịp thời;

- Chăm sóc bà mẹ trong chuyển dạ với chất lượng cao; đỡ đẻ sạch, an toàn; xử trí, cấp cứu đảm bảo sức khỏe tốt nhất cho mẹ và trẻ sơ sinh;

- Chăm sóc toàn diện, chất lượng cao cho bà mẹ sau đẻ và trẻ sơ sinh theo phân cấp chăm sóc;

- Khám và nhận định tình trạng sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh, người sử dụng dịch vụ; xác định vấn đề ưu tiên cần chăm sóc của từng đối tượng;

- Lập được kế hoạch, thực hiện quy trình chăm sóc bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh và người sử dụng dịch vụ;

- Thực hiện sơ cứu, cấp cứu được sản khoa, cấp cứu hồi sức sơ sinh ban đầu; phát hiện những biến chứng thuộc lĩnh vực sản phụ khoa để phối hợp bác sĩ giải quyết tại tuyến y tế cơ sở hoặc chuyển tuyến trên kịp thời, an toàn;

- Quản lý buồng bệnh, quản lý bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh và người sử dụng dịch vụ; quản lý thuốc, trang thiết bị, vật tư tiêu hao, hồ sơ bệnh án;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

Về thái độ

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, quy chế chuyên môn, quy định của pháp luật liên quan tới lĩnh vực hộ sinh và các quy định khác của ngành y tế;

- Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện công việc và giải quyết được những tình huống trong thực tế;

- Hướng dẫn, giám sát các thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Chăm sóc sức khỏe sinh sản, phụ nữ phá thai và kế hoạch hóa gia đình.

- Chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ thai nghén;

- Chăm sóc bà mẹ trong chuyên dạ và sinh đẻ;
- Chăm sóc bà mẹ sau sinh;
- Chăm sóc trẻ sơ sinh sau sinh.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 32 môn học
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 96 Tín chỉ (2505 giờ)
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2070 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 781 giờ (31,18%); Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1763 giờ (68,82%)

3. Chương trình khung:

STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Ôn/ KT
	I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
1	MH22A021401	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
2	MH22A021202	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	MH22A021203	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
4	MH22A021304	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
5	MH22A021305	Tin học	3	75	15	58	2
6	MH22A021506	Tiếng Anh	5	120	42	72	6
	II	Các môn học chuyên môn					
	II.1	Môn học cơ sở	28	570	291	170/88	21
7	MH22A022408	Giải phẫu - Sinh lý	4	90	30	58/0	2
8	MH22A022309	Hoá sinh Y học	3	60	30	28/0	2
9	MH22A022310	Vi sinh vật - Ký sinh trùng	3	60	30	28/0	2
10	MH22A022311	Sinh lý bệnh	2	30	28	0	2
11	MH22A022212	Dược lý	3	60	30	28/0	2
12	MH22A022313	Điều dưỡng cơ bản	4	105	30	28/45	2
13	MH22A022414	Y đức - Giáo dục sức khoẻ	2	30	28	0	2
14	MH22A022215	Dinh dưỡng - Tiết chế	2	30	28	0	2

15	MH22A022116	Tổ chức Y tế	1	15	14	0	1
16	MH22A022117	Y học cổ truyền	2	60	15	0/43	2
17	MH22A022218	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	30	28	0	2
	II.2	Môn học chuyên môn	49	1500	309	140/1017	34
19	MH22A023419	Điều dưỡng Nội - Ngoại	4	60	58	0	2
20	MH22A023320	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học	3	75	30	0/43	2
21	MH22A023321	Chăm sóc thai nghén	3	105	15	0/88	2
22	MH22A023422	Chăm sóc chuyên da và đẻ thường	4	135	15	28/90	2
23	MH22A023523	Chăm sóc chuyên da và đẻ khó	5	150	30	28/90	2
24	MH22A023324	Chăm sóc sau đẻ	3	105	15	0/88	2
25	MH22A023325	Chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi	3	105	15	0/88	2
26	MH22A023326	Chăm sóc hộ sinh nâng cao	3	105	15	0/88	2
27	MH22A023227	Sức khỏe - Môi trường và dịch tễ	2	30	28	0	2
28	MH22A023328	Dân số - Kế hoạch hoá gia đình	3	90	15	28/45	2
29	MH22A023229	Quản lý hộ sinh - Nghiên cứu khoa học	2	30	28	0	2
30	MH22A023230	Phá thai an toàn và toàn diện	3	90	15	28/45	2
31	MH22A023231	Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên	2	45	15	28/0	2
32	MH22A023332	Chăm sóc sức khỏe sinh sản bà mẹ và trẻ em tại cộng đồng	3	105	15	0/88	2
33	MH22A023633	Thực tế ngành	6	270	0	0/264	6
	Tổng cộng		96	2505	757	1670	78

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Danh mục các chữ viết tắt:

- TC: tín chỉ
- LT: lý thuyết
- TH: thực hành

4.2. LT: lý thuyết: (1TC = 15 giờ, 1 giờ = 45 phút)

4.3. TH: thực hành: (TH tại trường/TH ngoài trường)

+ 1 Tín chỉ TH tại trường = 30 giờ (1 giờ = 60 phút)

+ 1 Tín chỉ TH ngoài trường = 45 giờ

4.4. Thời gian giảng dạy:

- 6 giờ đến 22 giờ hàng ngày, bao gồm cả ngày thứ 7 và chủ nhật, trừ các nội dung học tập đặc thù phải giảng dạy ngoài thời gian này mới đủ điều kiện thực hiện.

- Thời gian giảng dạy trên buổi: 1 buổi = 5 giờ

4.5. Các môn học chung bắt buộc:

Chính trị, Pháp luật, Giáo dục quốc phòng và an ninh, Tin học, Tiếng Anh và Giáo dục thể chất được áp dụng theo chương trình đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng và ban hành theo các Thông tư sau:

- Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 Ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh;
- Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 Ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị;
- Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Pháp luật;
- Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất;
- Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Tin học;
- Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Quy định Chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Trong đó, môn học giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và An ninh là 2 môn học điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp; kết quả đánh giá 2 môn học này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học, xếp loại tốt nghiệp.

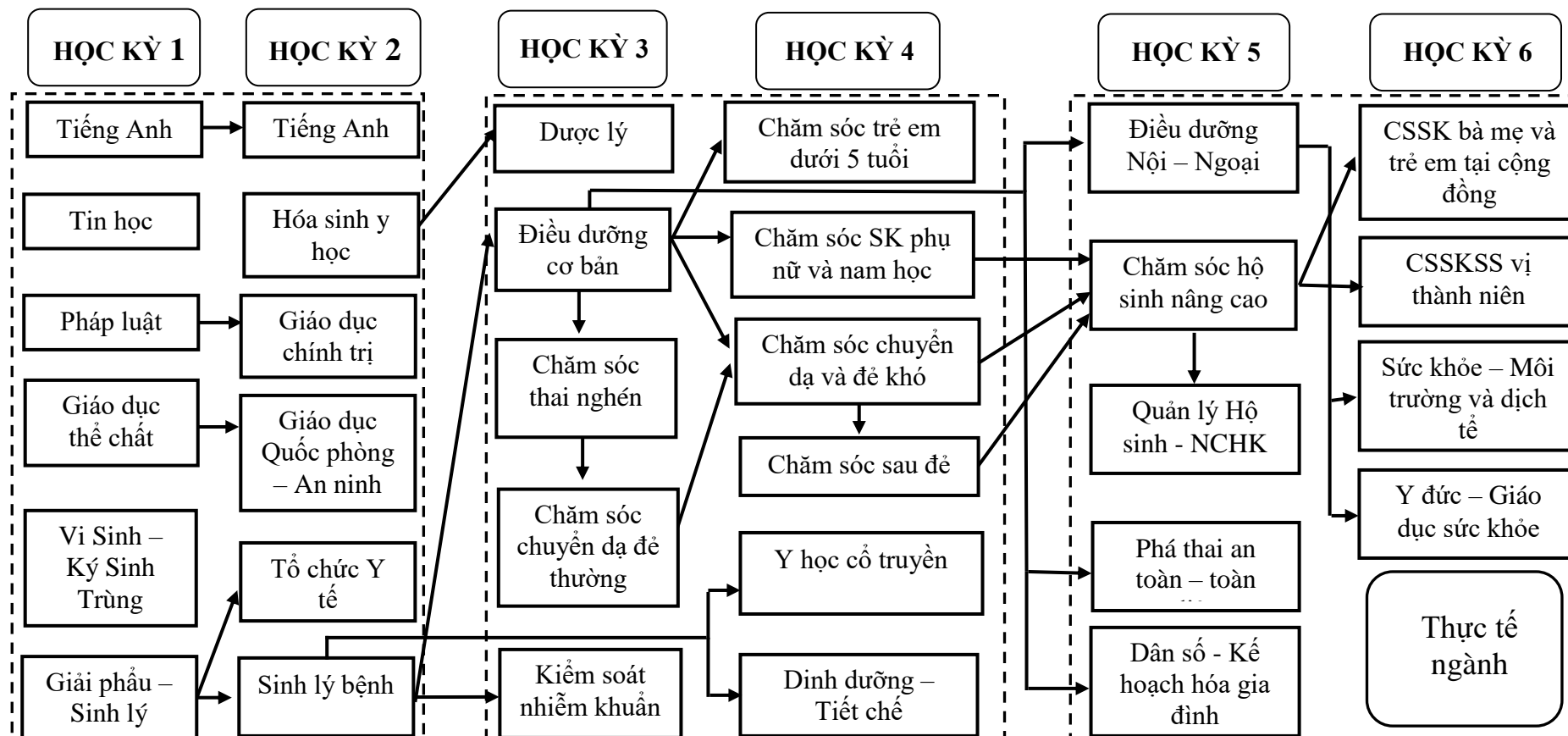
4.6. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun:

Thực hiện theo quy định kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp của Trường được cụ thể hóa theo Quy định 111/QĐ-CDYT ngày 24/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang quy định đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.

4.7. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

- Người học phải hoàn thành hết các môn học trong chương trình đào tạo và đủ điều kiện theo Quy định đào tạo thì được xét tốt nghiệp;
- Người học sau khi được Hiệu trưởng Nhà trường công nhận tốt nghiệp, được cấp bằng tốt nghiệp.

5. Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo các môn học



6. Chương trình môn học

(Kèm theo 32 chương trình môn học)